

NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI KÌ I (2025- 2026)

MÔN: NGỮ VĂN

KHỐI: 12

A. CÁC YÊU CẦU CẦN ĐẠT : Bài 1, 2, 3

BÀI 1 – KHẢ NĂNG LỚN LAO CỦA TIỂU THUYẾT

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của tiểu thuyết hiện đại như ngôn ngữ, diễn biến tâm lí, hành động của nhân vật...
- Phân tích được đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật, các chi tiết tiêu biểu và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm tiểu thuyết; phân tích và đánh giá được sự phù hợp của người kể chuyện, điểm nhìn trong việc thể hiện chủ đề của văn bản.
- Nhận biết được những đặc điểm cơ bản của phong cách hiện thực trong tiểu thuyết và trong sáng tác văn học nói chung.
- Nhận biết và phân tích được đặc điểm, tác dụng của biện pháp tu từ nói mỉa, nghịch ngữ.
- Viết được bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện.
- Biết góp phần xây dựng các giá trị sống chuẩn mực; hiểu và đồng cảm với những nỗi buồn đau thể hiện chiều sâu của nhân tính và khát vọng hướng tới sự hoàn thiện của con người.

BÀI 2– NHỮNG THỂ GIỚI THƠ

- Nhận biết được một số đặc điểm cơ bản của phong cách cổ điển và lãng mạn của các bài thơ tiêu biểu đã học.
- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của thơ trữ tình hiện đại như: ngôn ngữ, hình tượng, biểu tượng, các yếu tố trưng trưng siêu thực trong thơ...
- Vận dụng được kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống và kiến thức văn học để đánh giá, phê bình văn bản văn học, thể hiện được suy nghĩ, cảm xúc của cá nhân về văn bản văn học.
- Vận dụng được kiến thức về một số biện pháp tu từ đã học để phân tích, đánh giá tác dụng của việc sử dụng các biện pháp tu từ đó trong một bài thơ.
- Viết được bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ.
- Có thái độ ngưỡng mộ đối với những tấm gương sống đẹp vì đất nước, cộng đồng, vì nền nghệ thuật lớn hướng tới con người.

□ □ □

BÀI 3- LẬP LUẬN TRONG VĂN NGHỊ LUẬN

- Nhận biết, phân tích được nội dung của luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu, độc đáo trong văn bản; chỉ ra mối liên hệ của chúng; đánh giá được mức độ phù hợp giữa nội dung nghị luận với nhan đề của văn bản.

- Nhận biết được mục đích của người viết; biết tiếp nhận, đánh giá, phê bình nội dung văn bản với tư duy phê phán, dựa trên trải nghiệm và quan điểm của người đọc.

- Viết được bài luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (quan niệm sống, định hướng tương lai, cách ứng xử trong các mối quan hệ...).

- Có ý thức bảo tồn và phát huy các giá trị của văn hóa dân tộc.

B. CẤU TRÚC ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I:

Thời gian làm bài: 90 phút, đề thi gồm 2 phần:

I. ĐỌC – HIỂU (4,0 điểm) gồm 05 câu hỏi tự luận:

Đọc hiểu các văn bản/đoạn trích thuộc một trong 02 thể loại: Truyện hiện đại và thơ trữ tình hiện đại (ngữ liệu ngoài SGK)

1.Đọc- hiểu truyện hiện đại/ hậu hiện đại (Truyện ngắn, tiểu thuyết): Chú ý các dạng câu hỏi thuộc các mức độ sau:

***Nhận biết:**

- Nhận biết được nhân vật người kể chuyện, ngôi kể, điểm nhìn trong truyện ngắn và tiểu thuyết (hiện đại hoặc hậu hiện đại).

- Nhận biết được một số yếu tố của truyện ngắn và tiểu thuyết (hiện đại hoặc hậu hiện đại) như: diễn biến tâm lí, hành động của nhân vật...

- Nhận biết được đề tài, đặc điểm ngôn ngữ, thủ pháp nghệ thuật của truyện ngắn, tiểu thuyết hiện đại / hậu hiện đại.

- Nhận biết được các dấu hiệu hiện đại hoặc hậu hiện đại trong tiểu thuyết và truyện ngắn.

*** Thông hiểu:**

- Tóm tắt được cốt truyện.

- Phân tích được những đặc điểm của nhân vật truyện ngắn, tiểu thuyết hiện đại / hậu hiện đại.

- Lí giải vai trò, ý nghĩa của nhân vật với chủ đề, tư tưởng của tác phẩm.

- Lí giải được ý nghĩa, tác dụng của những chi tiết quan trọng trong tác phẩm; phân tích được tác dụng của những yếu tố hậu hiện đại (nếu có) trong tác phẩm.

- Nêu được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của văn bản; phân tích được sự phù hợp giữa người kể chuyện, điểm nhìn trong việc thể hiện chủ đề của văn bản.

- Phát hiện và lí giải được giá trị nhận thức, giáo dục và thẩm mĩ; giá trị văn hoá, triết lí nhân sinh từ tác phẩm.

- Phân tích được quan điểm của người viết về lịch sử, văn hoá, được thể hiện trong văn bản.

- Hiểu và lí giải được một số đặc điểm cơ bản của phong cách văn học (nếu có) thể hiện trong tác phẩm.

***Vận dụng:**

- Vận dụng được kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống và kiến thức văn học để đánh giá, phê bình văn bản truyện ngắn và tiểu thuyết (hiện đại / hậu hiện đại), thể hiện được cảm xúc, suy nghĩ của cá nhân về tác phẩm.

- Đánh giá được giá trị nhận thức, giáo dục và thẩm mĩ của tác phẩm.

***Vận dụng cao:**

- Đặt tác phẩm trong bối cảnh sáng tác và bối cảnh hiện tại để đánh giá ý nghĩa, giá trị của tác phẩm.
- Vận dụng những hiểu biết về lịch sử, văn hóa để lí giải quan điểm của tác giả thể hiện trong tác phẩm.
- Đánh giá được khả năng tác động của tác phẩm văn học đối với người đọc và tiến bộ xã hội theo quan điểm cá nhân.

2. Đọc- hiểu thơ trữ tình hiện đại: Chú ý các dạng câu hỏi thuộc các mức độ sau:

***Nhận biết:**

- Nhận biết được nhân vật trữ tình, chủ thể trữ tình trong bài thơ.
- Nhận biết được đề tài, ngôn ngữ, thủ pháp nghệ thuật trong thơ hiện đại.
- Nhận biết được những hình ảnh tiêu biểu, trung tâm của bài thơ.
- Nhận biết được các biểu tượng, yếu tố tượng trưng, siêu thực trong văn bản thơ.

***Thông hiểu:**

- Lí giải được vai trò của những chi tiết quan trọng, hình tượng trung tâm của bài thơ.
- Phân tích, lí giải được mạch cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của bài thơ.
- Nêu được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của bài thơ; phân tích được sự phù hợp giữa chủ đề, tư tưởng, cảm hứng chủ đạo trong bài thơ.
- Hiểu và lí giải được vai trò, tác dụng của hình ảnh, biểu tượng đặc biệt là các yếu tố tượng trưng, siêu thực (nếu có) trong bài thơ.
- Phát hiện và lí giải được các giá trị nhận thức, giáo dục, thẩm mĩ; giá trị văn hoá, triết lí nhân sinh trong bài thơ.

***Vận dụng:**

- Vận dụng được kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống và kiến thức văn học để đánh giá, phê bình văn bản thơ, thể hiện được cảm xúc, suy nghĩ của cá nhân về tác phẩm.
- Đánh giá được giá trị nhận thức, giáo dục, thẩm mĩ trong bài thơ.

***Vận dụng cao:**

- Vận dụng những hiểu biết về lịch sử, văn hóa để lí giải quan điểm của tác giả thể hiện trong văn bản thơ.
- Đánh giá được khả năng tác động của tác phẩm văn học đối với người đọc và tiến bộ xã hội theo quan điểm cá nhân.

II. VIẾT (6,0 điểm): gồm 2 phần sau:

Câu 1. (2,0 điểm): Viết đoạn văn nghị luận văn học (khoảng 150 chữ)

Sử dụng lại ngữ liệu của Đọc hiểu: phân tích/nhận xét/đánh giá/nêu cảm nhận về một khía cạnh nội dung hoặc hình thức nghệ thuật của văn bản Đọc- hiểu.

Câu 2. (4,0 điểm): Viết bài văn nghị luận xã hội (khoảng 500 chữ) bàn về một vấn đề gắn với tuổi trẻ - chú ý các mức độ sau:

***Nhận biết:**

- Xác định được yêu cầu về nội dung và hình thức của bài văn nghị luận.

- Nêu được cụ thể vấn đề xã hội có liên quan đến tuổi trẻ.
- Xác định rõ được mục đích, đối tượng nghị luận.
- Đảm bảo cấu trúc, bố cục của một văn bản nghị luận.

***Thông hiểu:**

- Phân tích được lí do và các phương diện liên quan đến tuổi trẻ của vấn đề.
- Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm.
- Cấu trúc chặt chẽ, có mở đầu và kết thúc gây ấn tượng; sử dụng các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục, chính xác, tin cậy, thích hợp, đầy đủ; đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.

***Vận dụng:**

- Đánh giá được ý nghĩa, ảnh hưởng của vấn đề đối với tuổi trẻ.
- Nêu được những bài học, những đề nghị, khuyến nghị rút ra từ vấn đề bàn luận.

***Vận dụng cao:**

- Sử dụng kết hợp các phương thức miêu tả, biểu cảm, tự sự,... để tăng sức thuyết phục cho bài viết.
- Vận dụng hiệu quả những kiến thức Tiếng Việt lớp 12 để tăng tính thuyết phục, sức hấp dẫn cho bài viết.

C. ĐỀ THI MINH HỌA:

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I- KHỐI 12

Thời gian làm bài: 90 phút

***ĐỀ 1:**

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản:

Con đã học làm phép chia

Con tự tìm ra thương số

Con hãy tin mọi điều trong sách vở

Dẫu ngoài đời không giống thế đâu con

Bầu trời kia lúc đục lúc trong

Con sông quê khi đầy khi cạn

Không có phép chia mưa khi nắng hạn

Không có phép chia đều no ấm yên lành

Nơi con ở hoà bình nơi khác chiến tranh

Phía trước vẫn minh đằng sau tăm tối

Người sang kẻ hèn người no kẻ đói

Trên trái đất này hạnh phúc chẳng chia đều

Lớn lên rồi con sẽ hiểu Tình yêu

Không tìm được dễ dàng

Như phép tìm thương số

Dẫu vậy

Mẹ vẫn muốn con tin vào sách vở

Bởi phép chia không có lỗi đâu con.

(Con lớn lên như thế nào, Phi Tuyết Ba, NXB Hội Nhà văn, 1988)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Căn cứ để xác định thể thơ của văn bản.

Câu 2. Chỉ ra những điều “không có phép chia” trong văn bản.

Câu 3. Phân tích tác dụng của phép đối trong khổ thơ sau:

Nơi con ở hoà bình nơi khác chiến tranh

Phía trước vẫn mình đằng sau tấm tối

Người sang kẻ hèn người no kẻ đói

Trên trái đất này hạnh phúc chẳng chia đều

Câu 4. Anh/chị hiểu thế nào về lời dặn: “Mẹ vẫn muốn con tin vào sách vở/ Bởi phép chia không có lỗi đâu con.”?

Câu 5. Qua văn bản, anh/chị rút ra được thông điệp có ý nghĩa nào? (Trả lời từ 5- 7 dòng)

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 150 chữ) nêu cảm nhận của anh/chị về tấm lòng của nhân vật trữ tình (người mẹ) dành cho con qua văn bản *Con lớn lên như thế nào* của Phi Tuyết Ba.

Câu 2 (4,0 điểm)

Anh/Chị hãy viết bài văn (khoảng 500 chữ) bàn về chủ đề: *Sức mạnh của tình yêu gia đình.*

***ĐỀ 2:**

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản:

Ngôi nhà của mẹ nằm ở một xóm nhỏ, trước sân có cây mận sum suê lá. Nay tuổi đã trên tám mươi nhưng trông mẹ còn nhanh nhẹn và khá tinh táo. Mỗi lần chúng tôi đến thăm nhà mẹ mừng lắm và kéo chúng tôi ngồi vào bộ bàn ghế gỗ, sai đưa cháu lấy nước rồi trò chuyện. Có điều, lần nào cũng giống lần nào, sau khi hỏi han tôi chuyện này, chuyện nọ, y như rằng, mẹ lại xoay qua nói về anh. Khuôn mặt già nhăn nheo, đầy vết thâm đồi mồi, môi dính vết trầu đỏ, mẹ vừa nhai vừa nói: Hồi xưa...

Đúng vậy, bao giờ nói về anh, khuôn mặt mẹ cũng trầm ngâm rồi bảo, hồi xưa...

- Mấy con biết không, hồi xưa, hồi thằng Toàn lên chín, lên mười, ai cũng bảo nó giống cha như đúc! Mẹ chỉ tay lên bàn thờ, kìa ảnh ông Tư, ba nó đó! Con thấy giống không? Tôi nghiệp thằng nhỏ, đi chơi ngoài đường, nghe người ta nói, chạy về hỏi mẹ. Mẹ trả lời: Ừ, rất giống! Nó cười và nó đợi. Nó bảo, nhất định khi về ba sẽ thương con lắm. Nhưng ông Tư không về. Ông ấy hy sinh trong một trận đánh nhau với Pháp đúng vào năm nó lên bốn tuổi. Tôi nghiệp, nó khóc, nó buồn. Cũng may, sau này, có người bạn cũ, là bạn học, cho một tấm ảnh của ông Tư. Tấm ảnh nhỏ xíu, mang đi họa lại để thờ. Nhìn hình, nó bảo: Ước gì ba còn sống trở về!

- Con biết không, hồi xưa, khi chưa lên đường đi bộ đội, nó ăn nhiều lắm. Có bữa, trời mưa lụt, đi thả lờ ngoài đồng về, mẹ nấu hai lon gạo, ghế thêm sắn, vậy mà nó ăn một hơi gần hết nồi cơm...

- Con biết không, nhà dột, tự nó đi cắt tranh về đánh thành tấm, rồi nhờ hàng xóm cùng giúp lợp giùm. Nó siêng năng mà lại khéo tay, đan nong, đan nia cũng được. Trong xóm ai nhờ điều gì nó cũng giúp...

- Con biết không, hồi nó lớn lên, mẹ bảo, con lấy vợ đi cho mẹ nhờ. Nhà còn có mình con, con đi đâu mẹ còn có con dâu. Nó cười. Con chưa gặp người nào hiền lành, kiếm vợ biết đâu chỉ làm mẹ khổ...

- Con biết không, có lần mẹ ốm nặng, lại đang lúc làm mùa, một mình nó vừa lo chuyện cày cuốc rồi thuê người cấy hộ, vậy mà nhiều đêm ngồi thức canh chừng, sợ mẹ có bề nào...

Mỗi lần chúng tôi đến, mẹ lại kể thêm một số chi tiết về cuộc đời anh. Tôi với Toàn cùng chung một đơn vị chủ lực của tỉnh. Ngày quen nhau, chúng tôi chưa tròn hai mươi. Thiếu ăn, thiếu mặc, gian khổ của bộ đội thời chống Mỹ làm sao kể hết. Hai đứa hứa với nhau, ngày hòa bình đứa nào còn sống sẽ đến thăm mẹ đứa kia. Anh mất cha và tôi cũng vậy. Hứa thì hứa vậy thôi, chứ đứa nào cũng nghĩ mình sẽ sống. Sau những trận đánh nhau ở đồng bằng, rút lên rừng, tôi với anh thường treo võng nằm bên nhau, thôi thì tía lia đủ chuyện. Anh kể về quê mình, mẹ mình, thỉnh thoảng lại thở dài với câu hỏi: Không biết bây giờ bà cụ ở quê ra sao? Nhiều lúc ruột gan tôi cũng cồn cào như anh, nhưng đành an ủi nhau, không sao đâu, hòa bình đến nơi rồi.

Rồi anh ra đi. Ra đi trong một trận mà đơn vị chúng tôi đánh nhau với một đại đội của địch đi càn, lấn chiếm vùng giải phóng sau khi Hiệp định Pa-ri được ký kết. Máu anh đổ ướt cả áo tôi bên cái hầm công sự còn màu đất mới. “Nhớ nói với mẹ tôi rằng tôi thương mẹ lắm...”. Anh tắt thở khi lời dặn dò chưa kết thúc.

Ngày hòa bình, chúng tôi đã đưa anh về nghĩa trang quê nhà và may mắn tôi sống ở thị trấn không cách xa nơi mẹ anh sống là bao. Kỷ vật của anh tôi mang về cho mẹ là chiếc võng ni lông đã ó màu. Chồng hy sinh. Đứa con duy nhất của mẹ là anh cũng không còn nên mẹ sống chung với gia đình đứa cháu gọi dì. Mỗi lần chúng tôi rủ nhau đến thăm là một lần mẹ lại kể về anh.

- Con biết không, hồi sắp đi thoát ly, thằng Toàn cứ đi quanh nhà rồi nhìn mẹ nói: “Cái hiên nhà mình mưa xuống rất dễ trượt. Đêm hôm mẹ đi phải cẩn thận”.

Những câu chuyện mẹ kể về anh cứ đầy dần qua những lần chúng tôi đến thăm. Thời gian trôi đi, nay mẹ đã già nhiều. Lưng đã còng. Mắt đã mờ. Có những lần chúng tôi đến, mẹ khó nhọc mới ngồi dậy được, giọng mẹ cũng không còn rành rọt như ngày nào, nhưng vẫn như trước, nói lòng vòng vài câu, mẹ lại nhắc đến anh.

Vừa rồi, chúng tôi rủ nhau mua tí quà và ghé thăm mẹ. Biết chúng tôi đến mẹ mừng. Bàn tay gầy guộc của mẹ nắm chặt lấy tay tôi. Một lát, mẹ hỏi:

- Nói thiệt mẹ nghe, trước khi chết, thằng Toàn có được ăn no không con?

- Dạ, có! Tôi nói dối để mẹ yên lòng. Nhưng thực ra, hôm ấy chúng tôi đánh nhau từ sáng tới chiều, trận chiến diễn ra quá ác liệt, nước chúng tôi còn không có uống nói chi đến chuyện ăn no...

(Mẹ, Hoàng Nhật Tuyên, Tạp chí non nước, 2016)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Cho biết hoàn cảnh của người mẹ trong văn bản.

Câu 2. Trong văn bản, nhân vật “tôi” và nhân vật Toàn đã hứa với nhau điều gì?

Câu 3.

- Con biết không, hồi xưa, khi chưa lên đường đi bộ đội, nó ăn nhiều lắm. Có bữa, trời mưa lụt, đi thả lờ ngoài đồng về, mẹ nấu hai lon gạo, ghé thêm sắn, vậy mà nó ăn một hơi gần hết nồi cơm...

- Con biết không, nhà đột, tự nó đi cắt tranh về đánh thành tấm, rồi nhờ hàng xóm cùng giúp lợp giùm. Nó siêng năng mà lại khéo tay, đan nong, đan nia cũng được. Trong xóm ai nhờ điều gì nó cũng giúp...

- Con biết không, hồi nó lớn lên, mẹ bảo, con lấy vợ đi cho mẹ nhờ. Nhà còn có mình con, con đi đâu mẹ còn có con dâu. Nó cười. Con chưa gặp người nào hiền lành, kiếm vợ biết đâu chỉ làm mẹ khổ...

- Con biết không, có lần mẹ ốm nặng, lại đang lúc làm mùa, một mình nó vừa lo chuyện cày cuốc rồi thuê người cấy hộ, vậy mà nhiều đêm ngồi thức canh chừng, sợ mẹ có bề nào...

Phân tích tác dụng của phép điệp cấu trúc trong đoạn văn trên.

Câu 4. Lời hỏi của người mẹ và lời đáp của nhân vật “tôi” ở cuối tác phẩm gợi cho anh/chị những suy nghĩ gì về cuộc sống trong chiến tranh và tình cảm giữa con người với nhau.

Câu 5. Văn bản trên gợi cho anh/chị những suy nghĩ gì về giá trị của hòa bình trong cuộc sống hôm nay? (Trả lời từ 5- 7 dòng).

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 150 chữ) nêu cảm nhận của anh/chị về hình ảnh người mẹ trong văn bản “*Mẹ*” của Hoàng Nhật Tuyên.

Câu 2 (4,0 điểm)

Anh/Chị hãy viết bài văn (khoảng 500 chữ) bàn về chủ đề: *Tuổi trẻ và tình yêu đất nước*.

----- HẾT -----